



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

11/18

11/18

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015, và Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Takashi Fujii	Chủ tịch	Ngày 10 tháng 2 năm 2017 (*)
Ông Yotaro Numata	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2016
Ông Shigeo Tsuyuki	Thành viên	Ngày 1 tháng 1 năm 2018 (*)
Ông Trần Châu Danh	Thành viên	Ngày 10 tháng 2 năm 2017 (*)
Ông Trần Đình Quân	Thành viên	Ngày 1 tháng 7 năm 2017 (*)

(\*) Ông Takashi Fujii là Chủ tịch của Hội đồng Thành viên từ ngày 10 tháng 02 năm 2014

Ông Shigeo Tsuyuki là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Ông Trần Châu Danh là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 10 tháng 02 năm 2014

Ông Trần Đình Quân là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 01 tháng 07 năm 2014

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Châu Danh, được bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2014, tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2017.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Châu Danh, chức vụ Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61147610/20162023-SX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 6 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01a-CTQ

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>59.935.658.104</b>	<b>27.571.200.867</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>3.204.620.904</b>	<b>95.280.517</b>
111	1. Tiền		1.204.620.904	95.280.517
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>46.900.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.900.000.000	20.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.294.520.000</b>	<b>6.599.079.940</b>
132	1. Trả trước cho người bán		140.000.000	-
134	2. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	7	6.414.288.747	5.324.152.172
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.740.231.253	1.274.927.768
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>536.517.200</b>	<b>876.840.410</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	536.517.200	876.840.410
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.441.524.105</b>	<b>32.788.643.758</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>855.000.000</b>	<b>590.347.223</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	855.000.000	590.347.223
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.898.459.795</b>	<b>3.253.716.256</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	465.971.458	507.672.000
222	Nguyên giá		890.257.500	846.120.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(424.286.042)	(338.448.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.432.488.337	2.746.044.256
228	Nguyên giá		6.367.288.671	4.054.843.148
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.934.800.334)	(1.308.798.892)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>28.200.000.000</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	28.200.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>688.064.310</b>	<b>744.580.279</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	640.096.529	696.612.498
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		47.967.781	47.967.781
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>66.377.182.209</b>	<b>60.359.844.625</b>



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01a-CTQ

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.593.622.759</b>	<b>5.040.586.348</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.231.122.761</b>	<b>4.750.586.348</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		7.007.000	99.510.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.182.211.040	1.270.404.577
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.928.016.941	3.075.556.908
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		113.887.780	305.114.863
<b>330</b>	<b>I. Nợ dài hạn</b>		<b>362.499.998</b>	<b>290.000.000</b>
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		362.499.998	290.000.000
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>62.783.559.450</b>	<b>55.319.258.277</b>
<b>410</b>	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>62.783.559.450</b>	<b>55.319.258.277</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.527.041.154	1.527.041.154
419	3. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		1.527.041.154	1.527.041.154
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		34.729.477.142	27.265.175.969
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>66.377.182.209</b>	<b>60.359.844.625</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>030</b>	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>17</b>	<b>1.289.057.993</b>	<b>2.094.011.835</b>
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.289.057.993	2.094.011.835
<b>040</b>	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>18</b>	<b>157.220.068.563</b>	<b>145.109.053.631</b>
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước		157.220.068.563	145.109.053.631
<b>050</b>	<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>19</b>	<b>2.194.311.085</b>	<b>717.790.377</b>
<b>051</b>	<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>20</b>	<b>7.360.455.872</b>	<b>5.976.628.808</b>

Bà Mai Thị Huyền Trang  
Người lập

Bà Mai Thị Huyền Trang  
Kế toán trưởng

Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2018


# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

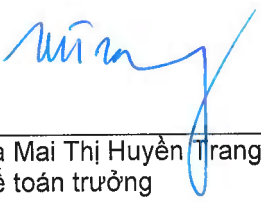
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B02a-CTQ

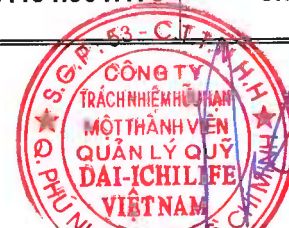
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu	21	18.700.158.297	14.329.463.277
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		18.700.158.297	14.329.463.277
20	3. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		18.700.158.297	14.329.463.277
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.675.096.987	1.235.950.906
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(11.044.878.818)	(8.410.544.351)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.330.376.466	7.154.869.832
31	7. Thu nhập khác		-	-
32	8. Chi phí khác		-	-
40	9. Lợi nhuận khác		-	-
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.330.376.466	7.154.869.832
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(1.866.075.293)	(1.430.973.967)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.464.301.173	5.723.895.865

  
Bà Mai Thị Huyền Trang  
Người lập

  
Bà Mai Thị Huyền Trang  
Kế toán trưởng

  
Ông Trần Văn Danh  
Tổng Giám đốc



Ngày 6 tháng 8 năm 2018

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (phương pháp gián tiếp)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B03a-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>9.330.376.466</b>	<b>7.154.869.832</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	711.839.484	517.909.648
03	2. Thay đổi các khoản dự phòng		72.499.998	72.499.998
05	3. Doanh thu từ lãi tiền gửi		(1.675.096.987)	(1.235.950.906)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>8.439.618.961</b>	<b>6.509.328.572</b>
09	1. Tăng các khoản phải thu		(2.534.561.575)	(1.704.082.182)
11	2. Giảm các khoản phải trả		(1.162.903.237)	(673.353.034)
12	3. Giảm chi phí trả trước		191.476.179	235.585.608
15	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.017.272.643)	(1.201.071.760)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.916.357.685</b>	<b>3.166.407.204</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.356.583.023)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.200.000.000)	(18.500.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		19.500.000.000	14.500.000.000
27	4. Tiền lãi nhận được		1.249.565.725	899.829.793
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động đầu tư</b>		<b>192.982.702</b>	<b>(3.100.170.207)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>3.109.340.387</b>	<b>66.236.997</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>95.280.517</b>	<b>705.134.590</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>3.204.620.904</b>	<b>771.371.587</b>

Bà Mai Thị Huyền Trang  
Người lập

Bà Mai Thị Huyền Trang  
Kế toán trưởng

Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2018

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

B05a-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2018	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	16	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		16.056.007.683	27.265.175.969	12.454.631.428	(1.245.463.142)	7.464.301.173	-	27.265.175.969	34.729.477.142
3. Quỹ dự phòng tài chính		904.309.583	1.527.041.154	622.731.571	-	-	-	1.527.041.154	1.527.041.154
4. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		904.309.583	1.527.041.154	622.731.571	-	-	-	1.527.041.154	1.527.041.154
		<b>42.864.626.849</b>	<b>55.319.258.277</b>	<b>13.700.094.570</b>	<b>(1.245.463.142)</b>	<b>7.464.301.173</b>	<b>-</b>	<b>55.319.258.277</b>	<b>62.783.559.450</b>



*Mina*

*Mina*

Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Bà Mai Thị Huyền Trang  
Kế toán trưởng

Bà Mai Thị Huyền Trang  
Người lập

Ngày 6 tháng 8 năm 2018

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015, và Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 16 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 14 người).

## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 ("Thông tư 212").

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ ("Thông tư 125").

### 3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng VND phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 125 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);



# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3.3 *Cơ sở hoạt động liên tục*

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

### 3.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 4.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm



**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.7 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**4.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**4.12 Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Theo Thông tư 212 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại phê duyệt số IC/2017/015 ngày 29 tháng 12 năm 2017.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.13 Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4.14 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả, quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và phải trả khác.

#### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.15 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền gửi thanh toán	1.204.620.904	95.280.517
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	84.677.157	84.613.572
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.119.943.747	10.666.945
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
	<u><b>3.204.620.904</b></u>	<u><b>95.280.517</b></u>

(\*) Đây là hợp đồng tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng đồng Việt Nam với mức lãi suất 5,3%/năm.

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm với mức lãi suất từ 6,4%/năm đến 7,0%/năm.

## 7. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	6.414.288.747	5.313.998.852
Phải thu phí quản lý quỹ thành viên	-	10.153.320
	<u><b>6.414.288.747</b></u>	<u><b>5.324.152.172</b></u>

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Lãi phải thu	2.119.731.253	1.108.852.768
Ứng trước tiền lương cho người lao động(*)	612.500.000	143.125.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác	8.000.000	22.950.000
	<u><b>2.740.231.253</b></u>	<u><b>1.274.927.768</b></u>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một (1) năm, trong đó các khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới ba (3) tháng là 162.500.000 VND.

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số đầu kỳ	876.840.410	475.097.875
Tăng trong kỳ	1.002.871.829	2.066.696.373
Phân bổ trong kỳ	(1.343.195.039)	(1.664.953.838)
<b>Số cuối kỳ</b>	<u><b>536.517.200</b></u>	<u><b>876.840.410</b></u>

## 10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ứng trước tiền lương cho người lao động	850.000.000	-
Cầm cố, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000
Lãi phải thu	-	585.347.223
	<u><b>855.000.000</b></u>	<u><b>590.347.223</b></u>



# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

*Thiết bị dụng cụ  
quản lý*

### Nguyên giá

Số đầu kỳ	846.120.000
<i>Mua mới trong kỳ</i>	<u>44.137.500</u>
Số cuối kỳ	<u>890.257.500</u>

### Giá trị khấu hao lũy kế

Số đầu kỳ	338.448.000
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<u>85.838.042</u>
Số cuối kỳ	<u>424.286.042</u>

### Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	<u>507.672.000</u>
Số cuối kỳ	<u>465.971.458</u>

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

*Phần mềm máy tính*

### Nguyên giá

Số đầu kỳ	4.054.843.148
<i>Mua mới trong kỳ</i>	<u>2.312.445.523</u>
Số cuối kỳ	<u>6.367.288.671</u>

### Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu kỳ	1.308.798.892
<i>Hao mòn trong kỳ</i>	<u>626.001.442</u>
Số cuối kỳ	<u>1.934.800.334</u>

### Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	<u>2.746.044.256</u>
Số cuối kỳ	<u>4.432.488.337</u>

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Số đầu kỳ	696.612.498	719.160.335
Tăng trong kỳ	102.619.467	238.854.313
Phân bổ trong kỳ	(159.135.436)	(261.402.150)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>640.096.529</b>	<b>696.612.498</b>

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	<i>Biến động trong kỳ</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 24.1</i> )	1.217.272.644	1.866.075.293	(2.017.272.643)	1.066.075.294
Thuế thu nhập cá nhân	53.131.933	1.359.902.173	(1.296.898.360)	116.135.746
Thuế khác	-	185.829.890	(185.829.890)	-
	<b>1.270.404.577</b>	<b>3.411.807.356</b>	<b>(3.500.000.893)</b>	<b>1.182.211.040</b>

## 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Phải trả cho nhân viên	1.534.405.000	2.835.718.000
Chi phí khác	393.611.941	239.838.908
	<b>1.928.016.941</b>	<b>3.075.556.908</b>

## 16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	VND		
	<i>Theo Quyết định số 53/GP-UBCK</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Vốn pháp định đã góp</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (DLVN)	25.000.000.000	100	25.000.000.000



# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Tăng	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2018	
				Giảm	
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>					
Ngân hàng HSBC Việt Nam	2.094.011.835	187.364.067.861	(188.169.021.703)		1.289.057.993
	<b>2.094.011.835</b>	<b>187.364.067.861</b>	<b>(188.169.021.703)</b>		<b>1.289.057.993</b>

## 18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Danh mục đầu tư ủy thác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Cổ phiếu niêm yết	82.227.203.763	70.436.188.831
Trong đó:		
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá (*)	40.586.557.569	1.560.271.877
Trái phiếu chính phủ	36.692.864.800	36.692.864.800
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	36.700.000.000	35.780.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	800.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	800.000.000	2.200.000.000
	<b>157.220.068.563</b>	<b>145.109.053.631</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(\*) Danh sách cổ phiếu niêm yết bị giảm giá như dưới đây:

VND		
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Giá gốc	Giá trị hợp lý
VHM	7.425.882.140	7.193.600.000
TCB	2.755.627.250	2.567.600.000
SAB	2.730.528.225	2.570.700.000
MBB	2.458.294.427	2.410.400.000
FPT	2.081.285.698	1.743.000.000
VPB	2.066.728.507	1.930.189.800
ACB	1.872.743.188	1.673.200.000
PLX	1.649.302.756	1.462.500.000
NVL	1.566.555.898	1.428.306.000
SSI	1.504.935.202	1.339.500.000
PNJ	1.501.642.460	1.218.000.000
VRE	1.496.190.925	1.358.000.000
REE	1.420.905.848	1.403.600.000
VCS	1.287.260.633	970.920.000
HDB	1.196.091.450	1.084.500.000
PDR	1.040.383.797	1.013.100.000
PHR	990.370.839	814.652.800
VSC	983.473.000	975.800.000
KDH	768.961.623	682.000.000
GMD	652.323.173	626.250.000
HCM	600.210.596	513.000.000
NLG	565.869.377	467.488.000
HSG	495.642.350	447.700.000
DPM	487.930.800	481.600.000
ASM	415.908.643	382.500.000
TCH	320.091.202	261.000.000
HDG	135.243.562	103.500.000
HBC	116.174.000	95.400.000
	<b>40.586.557.569</b>	<b>37.218.006.600</b>

VND		
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Giá gốc	Giá trị hợp lý
STB	983.885.868	963.814.250
PAC	201.181.320	194.200.000
VHC	191.036.125	186.550.000
SJS	132.823.312	126.420.000
SCR	33.997.649	29.656.200
SBT	8.711.031	5.616.000
VSC	8.636.572	7.740.000
	<b>1.560.271.877</b>	<b>1.513.996.450</b>

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Phải thu cổ tức	309.200.000	137.580.000
Phải thu bán cổ phiếu	1.885.111.085	580.210.377
	<u>2.194.311.085</u>	<u>717.790.377</u>

## 20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	6.414.288.747	5.313.998.852
Phải trả mua cổ phiếu	946.167.125	662.629.956
	<u>7.360.455.872</u>	<u>5.976.628.808</u>

## 21. DOANH THU

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	18.700.158.297	13.906.998.256
Phí quản lý quỹ thành viên	-	422.465.021
	<u>18.700.158.297</u>	<u>14.329.463.277</u>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng.

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lương và các chi phí theo lương	7.052.703.893	5.227.765.658
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	1.725.104.720	1.627.456.760
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	1.285.151.480	759.160.656
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	711.839.484	517.909.648
Chi phí công tác, vận chuyển	155.800.803	175.665.791
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	72.499.998	72.499.998
Thuế và phí khác	3.000.000	3.000.000
Chi phí khác	38.778.440	27.085.840
	<b><u>11.044.878.818</u></b>	<b><u>8.410.544.351</u></b>

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Chi phí thuế TNDN bao gồm:**

VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.866.075.293</u>	<u>1.430.973.967</u>
	<b><u>1.866.075.293</u></b>	<b><u>1.430.973.967</u></b>

### 24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

# Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>9.330.376.466</b>	<b>7.154.869.832</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.866.075.293	1.430.973.967
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.866.075.293</b>	<b>1.430.973.967</b>

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			VND
<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 21)	Công ty mẹ	Phí quản lý quỹ	18.700.158.297

Giá trị khoản phải thu và khoản phải trả đối với bên liên quan tại ngày lập báo cáo như sau:

			VND
<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị</u>
<b>Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ</b>			
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 7)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý quỹ	6.414.288.747

## 26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	432.480.000	432.480.000
Từ 1 đến 5 năm	1.459.620.000	1.639.820.000
	<b>1.892.100.000</b>	<b>2.072.300.000</b>

## 27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

### 27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**27.3 Rủi ro thanh khoản** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>					VND
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và tương đương tiền	1.204.620.904	2.000.000.000	-	-	3.204.620.904
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	46.900.000.000	-	46.900.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	6.414.288.747	-	-	6.414.288.747
Phải thu ngắn hạn khác	-	170.341.096	2.561.890.157	-	2.732.231.253
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	850.000.000	850.000.000
	<b>1.204.620.904</b>	<b>8.584.629.843</b>	<b>49.461.890.157</b>	<b>850.000.000</b>	<b>60.101.140.904</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn	-	7.007.000	-	-	7.007.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	393.611.941	-	393.611.941
Phải trả ngắn hạn khác	-	113.887.780	-	-	113.887.780
Quý dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	-	-	-	362.499.998	362.499.998
	-	<b>120.894.780</b>	<b>393.611.941</b>	<b>362.499.998</b>	<b>877.006.719</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>1.204.620.904</b>	<b>8.463.735.063</b>	<b>49.068.278.216</b>	<b>487.500.002</b>	<b>59.224.134.185</b>



## Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bắt kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
VND					
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và tương đương tiền	95.280.517	-	-	-	95.280.517
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	16.000.000.000	4.000.000.000	28.200.000.000	48.200.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	5.324.152.172	-	-	5.324.152.172
Phải thu ngắn hạn khác	-	1.099.144.438	175.783.330	-	1.274.927.768
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	590.347.223	590.347.223
	<b>95.280.517</b>	<b>22.423.296.610</b>	<b>4.175.783.330</b>	<b>28.790.347.223</b>	<b>55.484.707.680</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn	-	99.510.000	-	-	99.510.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	239.838.908	-	239.838.908
Phải trả ngắn hạn khác	-	305.114.863	-	-	305.114.863
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	-	-	-	290.000.000	290.000.000
	-	<b>404.624.863</b>	<b>239.838.908</b>	<b>290.000.000</b>	<b>934.463.771</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>95.280.517</b>	<b>22.018.671.747</b>	<b>3.935.944.422</b>	<b>28.500.347.223</b>	<b>54.550.243.909</b>

## Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và tương đương tiền	3.204.620.904	95.280.517	3.204.620.904	95.280.517	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.900.000.000	48.200.000.000	46.900.000.000	48.200.000.000	
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	6.414.288.747	5.324.152.172	6.414.288.747	5.324.152.172	
Phải thu ngắn hạn khác	2.732.231.253	1.274.927.768	2.732.231.253	1.274.927.768	
Phải thu dài hạn khác	850.000.000	590.347.223	850.000.000	590.347.223	
	<b>60.101.140.904</b>	<b>55.484.707.680</b>	<b>60.101.140.904</b>	<b>55.484.707.680</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn	7.007.000	99.510.000	7.007.000	99.510.000	
Chi phí phải trả ngắn hạn	393.611.941	239.838.908	393.611.941	239.838.908	
Phải trả ngắn hạn khác	113.887.780	305.114.863	113.887.780	305.114.863	
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	362.499.998	290.000.000	362.499.998	290.000.000	
	<b>877.006.719</b>	<b>934.463.771</b>	<b>877.006.719</b>	<b>934.463.771</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tương đương với giá trị ghi sổ do có lãi suất xấp xỉ lãi suất thị trường.

# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

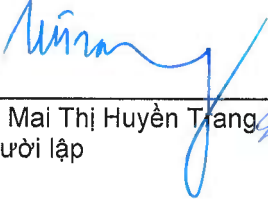
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

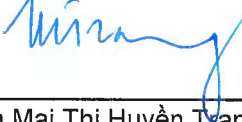
B09a-CTQ

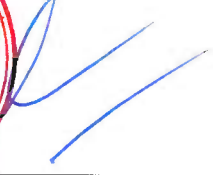

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

  
Bà Mai Thị Huyền Trang  
Người lập

  
Bà Mai Thị Huyền Trang  
Kế toán trưởng

  
  
Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2018

